TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DSPT
Ngày 07-7-2023
"V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế và chia tài sản chung Quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Khắc Hoàng

Các thẩm phán: Bà Trương Thị Lệ Thu

Ông Bùi Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký TAND tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 07/2023/TLPT-DS ngày 27/3/2023 về việc "**Tranh chấp chia di sản thừa kế, và chia tài sản chung, quyền sử dụng đất"** do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐ -PT ngày 29/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐ-PT ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trương Thị N, sinh năm:1923; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Khánh V, sinh năm: 1952; địa chỉ: F L, phường R, Vũng Tàu, Bà Rịa V. Văn bản ủy quyền lập ngày 01-11-2021 số chứng thực 81, quyển số 01/2021-SCT/HĐ,GD của UBND phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

+ Bà Đặng Thị V1, sinh năm: 1996; địa chỉ: thôn T, xã S, C, Hà Tĩnh. Văn bản ủy quyền lập ngày 10/3/2023 số chứng thực 45, quyển số 01/2023-SCT/CK,ĐC của UBND phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình G; sinh năm 1984, Luật sư Công ty L3 - Đoàn luật sư H5. Địa chỉ: số B đường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

- **Bị đơn**: Ông Nguyễn Huy V2 (tên thường gọi Nguyễn Ngọc V3), sinh năm: 1954; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T: Ông Mai Xuân Đ ông, ông Hoàng Xuân H - Luật sư Công ty L4 - Đoàn luật sư H5. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Ông Mai Xuân Đ có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Khánh V, sinh năm: 1952; đại chỉ: F L, phường R, Vũng Tàu, Bà Rịa V (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1956; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1964; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

4. Ông Nguyễn Huy L, sinh năm: 1961; địa chỉ: Số B, T, phường I, thành phố V (Vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1971; địa chỉ: 8 đường L, phường T, thành phố V. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Huy L là Bà Trương Thị N, sinh năm: 1923; Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Văn bản ủy quyền lập ngày 15-09-2021 của UBND phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1957 địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

7. Đại Diện UBND phường K, thị xã K, Hà Tĩnh: Ông Nguyễn Tri H3 - Chủ tịch UBND phường K (Vắng mặt) - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T1 - Công chức địa chính phường K, thị xã K, Hà Tĩnh (Vắng mặt).

8. Đại diện UBND thị xã K: Ông Nguyễn Hoài S – Chủ tịch UBND thị xã K, Hà Tĩnh (vắng mặt); Người đại diện theo ủy quyền của UBND thị xã K: Bà Đậu Thị Hoài T2 - Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường UBND thị xã K, Hà Tĩnh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị N cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Trương Thị N với ông Nguyễn Văn V4 là vợ chồng. Sau khi kết hôn ông Nguyễn Văn V4, bà Trương Thị N sinh được 06 người con chung (Nguyễn Thị Khánh V, Nguyễn Huy V2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Huy L, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị L1). Quá trình chung sống vợ chồng ông Nguyễn Văn V4, bà Trương Thị N có tạo lập được khối tài sản chung gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371, diện tích 1269m^2. Trong đó: 350m^2 đất ở tại nông thôn và 919 m^2 đất trồng cây lâu năm khác, được UBND huyện K (nay UBND thị xã K) cấp GCNQSDĐ số BA 741275 ngày 11-02-2010; số vào sổ cấp GCN: CH 00004; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên Trương Thị N.

- Quyền sử dụng đất số DO383843 được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) cấp ngày 06-12-1994; số vào sổ 504/QSDĐ mang tên Nguyễn Văn V4, diện tích 2610m^2, trong đó: Đất ở là 200m^2, đất trồng cây lâu năm là 900m^2; đất sản xuất nông nghiệp: 1510m^2 (Hiện nay, đất trồng lúa và trồng màu đã bị Nhà nước thu hồi thực tế chỉ còn lại 900m^2 đất vườn và 200m^2 đất ở); địa chỉ thửa đất: xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh).

Ngày 05/5/2002, ông Nguyễn Văn V4 chết không để lại di chúc, tài sản hiện do bà Trương Thị N đang quản lý. Nay vì tuổi đã cao, sức khỏe yếu nên bà Trương Thị N muốn chia phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn V4 trước khi chết để lại cho bà Trương Thị N và 06 người con đối với các thửa đất nói trên. Nhưng trong quá trình phân chia thì không tìm được tiếng nói chung. Ông Nguyễn Huy V2 con trai của ông Nguyễn Văn V4, bà Trương Thị N không đồng ý phân chia di sản thừa kế mà đòi được quản lý và sử dụng toàn bộ hai thửa đất nói trên. Nên bà Trương Thị N đã viết đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế và tài sản chung theo pháp luật đối với: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371, diện tích 1269m^2. Trong đó: 350m^2 đất ở tại nông thôn và 919 m^2 đất trồng cây lâu năm khác, được UBND huyện K (nay UBND thị xã K) cấp GCNQSDĐ số BA 741275 ngày 11-02-2010; số vào sổ cấp GCN: CH 00004; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên Trương Thị N và Quyền sử dụng đất số DO383843 được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) cấp ngày 06-12-1994; số vào sổ 504/QSDĐ mang tên Nguyễn Văn V4, diện tích 2610m^2, trong đó: Đất ở là 200m^2, đất trồng cây lâu năm là 900m^2; đất sản xuất nông nghiệp: 1510m^2; địa chỉ thửa đất: xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) cho bà Trương Thị N và 06 người con, phần di sản thừa kế mà ông Nguyễn Văn V4 trước khi chết để lại theo quy định.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị N đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không chia di sản thừa kế đối với thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO383843 được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) cấp ngày 06-12-1994; số vào sổ 504/QSDĐ mang tên Nguyễn Văn V4, diện tích 2610m^2, trong đó: Đất ở là 200m^2 , đất trồng cây lâu năm là 900m^2 ; đất sản xuất nông nghiệp: 1510m^2; địa chỉ thửa đất: xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) vì các bên đã thỏa thuận được việc chia thừa kế. Còn thửa đất số 32 được UBND huyện K cấp giấy CNQSDĐ số BA - 741275 ngày 11/02/2010 mang tên bà Trương Thị N nói trên là tài sản chung thuộc sở hữu của vợ chồng bà chứ không phải là của ông Nguyễn Huy V2 như bị đơn trình bày. Điều này đã được khẳng định tại bản án số 05/2011/DSST ngày 30/9/2011

của TAND huyện Kỳ Anh và Quyết định số 362/2011/QĐPT ngày 08/12/2011 của TAND tỉnh Hà Tĩnh về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà và ông Nguyễn Huy V2 năm 2011.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Khánh V, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Huy L đồng ý tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế được hưởng từ ông Nguyễn Văn V4 cho bà Trương Thị N. Bà Trương Thị N cũng đồng ý nhận tặng cho từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nói trên.

* Bị đơn ông Nguyễn Huy V2 trình bày: Ông đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: không chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn V4 để lại theo quy định đối với thửa đất được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO383843, ngày 06-12-1994; số vào sổ 504/QSDĐ mang tên Nguyễn Văn V4, diện tích 2610m^2; (Hiện nay, đất trồng lúa và trồng màu đã bị Nhà nước thu hồi thực tế chỉ còn lại 900m^2 đất vườn và 200m^2 đất ở). Địa chỉ thửa đất: xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) cho 06 người con và bà Trương Thị N. Còn với yêu cầu chia di sản thừa kế đối với Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371, diện tích 1269m^2, được UBND huyện K (nay UBND thị xã K) cấp GCNQSDĐ số BA 741275 ngày 11-02-2010; số vào sổ cấp GCN: CH 00004. Địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên Trương Thị N ông không đồng ý. Ông cho rằng năm 1978, ông lập gia đình kết hôn với bà Nguyễn Thị T. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông về sống chung với ông Nguyễn Văn V4, bà Trương Thị N. Năm 1986, ông đã làm đơn xin UBND xã K cấp đất làm nhà ở sinh sống, canh tác và đã được UBND xã K chấp nhận cấp cho ông thửa đất tại vùng quy hoạch C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, tại lô 11 (chính là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371 được cấp giấy CNQSDĐ số BA 741275 mang tên Trương Thị N). Thời điểm đó, ông Nguyễn Văn V4 và bà Trương Thị N đã có đất và nhà ở ổn định ở xóm B, Q, xã K, huyện K (nay là tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) nên không thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất ở. Còn ông là cán bộ trong quân đội, đã lập gia đình, có 02 con nhỏ nhưng chưa có nhà ở, thuộc đối tượng được giao đất theo quy định của pháp luật. Thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng ông được UBND xã K cấp đất ở từ năm 1986. Vì vậy, ông không đồng ý chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn V4 để lại tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371, diện tích 1269m^2 mang tên Trương Thị N. Nên bị đơn có yêu cầu phản tố, yêu cầu TAND thị xã Kỳ Anh chuyển hồ sơ cho TAND tỉnh Hà Tĩnh để giải quyết theo thẩm quyền (Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ số BA 741275, do UBND huyện Kỳ anh cấp ngày 11-02-2010 mang tên Trương Thị N đối với thửa đất số 32; tờ bản đồ số 371 tại C thuộc tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh và tạm giao thửa đất nói trên cho bị đơn để ông liên hệ cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông theo quy định).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà Nguyễn Thị T là vợ của ông Nguyễn Huy V2 không có yêu cầu khởi kiện độc lập đối với nguyên đơn. Bà không đồng ý với yêu cầu của bà Trương Thị N về việc chia di sản thừa kế Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn V4 để lại đối

với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371, ở Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh), vì bà cho rằng đây là tài sản riêng của vợ chồng bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T trình bày: Thống nhất như lời trình bày của ông V2, bà T. Ông V2 vào năm 1986 thuộc diện được cấp đất làm đơn xin cấp đất và đã được xã phê duyệt và ông ủy quyền cho ông V4 đi bốc thăm hộ ông V2, ông V2 và bà T có khai thác trồng keo một thời gian trên đất đó (Có bản trình bày của vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bản trình bày của bà Nguyễn Thị T3 đều trú tại tổ dân phố Q, phường K được ông Đ nộp tại phiên tòa phúc thẩm để xem xét). Năm 2011 Tòa án huyện K và Tòa án tỉnh Hà Tĩnh đã giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 32 (hiện đang tranh chấp chia thừa kế) nói trên giữa bà N và ông V2 nhưng do ông V2 không hiểu biết pháp luật nên không bảo vệ được quyền lợi của mình. Do đó đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà N và xem xét việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Đồng thời đề nghị chuyển hồ sơ để Tòa tỉnh hủy GCNQSD số BA 741275 mà UBND huyện K đã cấp cho bà N.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Khánh V, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Huy L đều trình bày:

Bà Nguyễn Thị Khánh V, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Huy L không có yêu cầu khởi kiện độc lập đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc, quyền sở hữu thửa đất số 32, về thời điểm ông Nguyễn Văn V4 chết và không để lại di chúc, về quan hệ huyết thống, di sản ông Nguyễn Văn V4 để lại như trên là đúng. Nay 05 người con là Nguyễn Thị Khánh V, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Huy L có văn bản thống nhất không nhận kỷ phần thừa kế được hưởng từ ông Nguyễn Văn V4 mà tặng cho toàn bộ cho bà Trương Thị N. Việc bà Nguyễn Thị Khánh V, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Huy L từ chối nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn V4 để lại và tặng lại cho bà Trương Thị N là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Đồng thời bà nguyễn Thị K cũng như những người liên quan nói trên khẳng định thửa đất số 32 mà bà N đang khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là của bố mẹ là bà N, ông V4. Quyền sở hữu thửa đất số 32 này đã được Tòa án giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật từ năm 2011 nên không đồng ý như lời trình bày của bị đơn cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V2, bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Không nhất trí với ý kiến của ông V2, bà T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V2 bà T. Đồng thời khẳng định thửa đất số 32 nói trên thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà N ông V4 bởi vì đất này được cấp cho ông V4 bà N từ năm 1990 và ngày 11/2/2010 đã được UBND huyện K cấp GCNQSD đất mang tên bà N và không hề có tranh chấp. Việc cấp GCNQSDĐ cho bà N có hồ sơ đầy đủ và UBND phường K, UBND thị xã K đều có ý kiến bằng văn bản khẳng định

việc cấp GCNQSD đất cho bà N là đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật. UBND thị xã K đề nghị Tòa án giữ nguyên giá trị pháp lý của GCNQSDĐ đối với thửa đất số 32 đã cấp cho bà N. Vợ chồng ông V2, bà T ngoài đơn xin cấp đất thì không có bất kỳ văn bản pháp lý nào để chứng minh thửa đất số 32 đang tranh chấp chia thừa kế là của ông V2, bà T. Việc ông V2 ủy quyền cho ông V4 bốc thăm đất chỉ là giấy viết tay không có chữ ký của ông V4 và không có gì chứng minh là ông V4 đã bốc thăm hộ ông V2. Tại phiên tòa, phía bị đơn giao nộp bản ý kiến viết tay của của ông P, bà T3 về việc ông V2, bà T có trồng cây trên thửa đất số 32 chỉ có ý nghĩa tham khảo chứ các bản ý kiến đó không đảm bảo giá trị pháp lý và không có giá trị để chứng minh thửa đất đó là của ông V2, bà T. Mặt khác năm 2011,Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, TAND tỉnh Hà Tĩnh đã giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 32 này giữa bà N và ông V2 theo đó tuyên xử quyền sử dụng đất đối với thửa đất sô 32 nói trên là của bà N. Bản án có hiệu lực pháp luật và không bị hủy bỏ bởi bất kỳ một bản án nào khác nên việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V2, bà T cho rằng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là không đúng. Đồng thời không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, không chuyển hồ sơ để TAND tỉnh Hà Tĩnh hủy GCNQSDĐ số BA-741275 ngày 11/02/2010 đã cấp cho bà N đối với thửa đất số 32 là vi phạm là hoàn toàn không có căn cứ. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông V2, bà T và giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm của TAND thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

*Kết quả xem xét,thẩm định tại chỗ: Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371, diện tích 1269m2 (gồm 350 m2 đất ở tại nông thôn và 919 m2 đất trồng cây lâu năm) được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số BA – 741275 ngày 11/02/2010, địa chỉ: Thôn C, xã K,huyện K, Hà Tĩnh (nay là Tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, Hà Tĩnh) mang tên Trương Thị N:

+ Phia Bắc giáp đường giao thông (đường quy hoạch).

+ Phía Nam giáp mương thoát nước.

+ Phía Tây giáp đường giao thông (đường liên gia)

+ Phía Đông giáp đương giao thông (đường quy hoạch).

Thực tế đo đạc có diện tích 1212,7 m2, không có tài sản trên đất, cỏ mọc um tùm, thửa đất thấp hơn so với mặt bằng đường giao thông được đỏ bằng bê tông. Thửa đất hiện vẫn mang tên bà Trương Thị N chưa làm thủ tục tặng cho hay chuyển nhượng cho ai và không tranh chấp với hộ liên kề.

*Kết quả định giá:Căn cứ bảng giá đất do UBND tỉnh H ban hành, qua khảo sát tình hình thực tế và tham khảo giá thị trường chuyển nhượng tại khu vực tương ứng, Hội đồng xác định thửa đất các đương sự đang có tranh chấp chia thừa kế có giá: Đất ở: 1.910.000 đồng /m2; đất vườn: 1.010.700 đồng/m2.Tổng giá trị quyền sử dụng đất là 1.540.430.890 đồng (trong đó đất ở 350 m2, đất vườn 862,7 m2).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường K trình bày:

Qua xem xét đơn của ông Nguyễn Huy V2 đề ngày 02/9/1986 nền số 11 phía trái đường S trên đường A là không phải vị trí tại thửa đất số 32; tờ bản đồ số 77/371 hiện nay tranh chấp với bà Trương Thị N. Qua nắm bắt thông tin của các bậc bô lão (ý kiến bằng miệng, không có văn bản) thì có ý kiến: Khoảng thời điểm năm 1986, ban đầu UBND xã K có dự định cấp cho gia đình ông Nguyễn Huy V2 01 thửa đất tại tuyến đường quốc lộ 1A, phía trái đường S, nhưng sau đó lại cấp cho gia đình ông Nguyễn Huy C (không cấp cho gia đình ông V2). Vị trí này nay thuộc thửa đất số 216, 217, 218, 219, 220; tờ bản đồ số 68/371; Sau khi gia đình ông V2 không được cấp tại vị trí này thì UBND xã K cấp cho gia đình ông V2 tại vị trí khác, vị trí thửa đất hiện nay gia đình ông V2 đang ở. Nhưng đó là các thông tin, nhân chứng còn hồ sơ pháp lý, hồ sơ quy hoạch hiện nay không tìm thấy, không có.

Năm 1990, gia đình ông Nguyễn Huy V2 và vợ bà Nguyễn Thị T được UBND xã K cấp cho gia đình thửa đất để làm nhà ở tại xứ Lòi Trên, xã K tại Quyết định cấp đất của UBND xã K không số cấp ngày 7/6/1990, mang tên Nguyễn Huy V2. Đến ngày 06/12/1994 thửa đất được UBND huyện K cấp giấy CNQSD đất số vào sổ 312/QSDĐ, số phát hành D 0383341 với diện tích đất ở, đất vườn được cấp trong giấy CNQSD đất là 900m2; trong đó có 200m2 đất ở và 700m2 đất vườn, giấy CNQSD đất mang tên Nguyễn Văn V4; Sau khi được cấp đất, gia đình ông Nguyễn Huy V2, vợ bà Nguyễn Thị T làm nhà ở ổn định cho đến nay. Sau khi đo đạc bản đồ địa chính thuộc thửa đất số 58, 64; tờ bản đồ số 61/371; địa chỉ thửa đất: TDP H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371 được UBND huyện K (nay UBND thị xã K) cấp GCNQSDĐ số phát hành BA 741275, số vào sổ CH 00004 ngày cấp 11-02-2010; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên Trương Thị N trước đây được UBND xã quy hoạch để cấp đất, nhưng hiện tại hồ sơ, tài liệu, sơ đồ quy hoạch thời quy hoạch cấp đất, qua các thời kỳ không có bàn giao, hiện không có hồ sơ lưu trữ. Vì vậy UBND phường không có tài liệu, hồ sơ để khẳng định, nhưng qua ý kiến và nội dung xác nhận của ông Nguyễn Ngọc Đ1 – nguyên cán bộ ruộng đất xã K thời kỳ quy hoạch xác nhận thửa đất nói trên lô số 12.

Thửa đất trên không ai kê khai và không nộp thuế tại UBND phường K. Thời điểm cấp GCNQSD đất số BA 741275 ngày 11-02-2010 cho bà Trương Thị N là đúng trình tự, đúng quy định của nhà nước.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND thị xã K trình bày:

Kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSD đất của bà Trương Thị N thì thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371 được UBND xã K (nay là phường K) xác nhận có nguồn gốc do UBND xã K cấp cho gia đình bà Trương Thị N làm nhà ở từ năm 1990. Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp, lấn chiếm và được Hội đồng tư vấn đất đai xã K họp xét đồng ý, đã được UBND xã K xây dựng hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất theo quy định hiện hành; được UBND huyện K (cũ) trao quyền sử dụng đất cho gia đình bà Trương Thị N thông qua GCNQSD đất số BA 741275, số vào sổ CH 0004 nêu trên. Việc cấp GCNQSD đất cho bà Trương Thị N là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Do vậy, UBND thị xã K đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh giữ nguyên giá trị pháp lý của GCNQSD đất số BA 741275, số vào sổ CH 0004 do UBND huyện K (cũ) cấp ngày 11/02/2010 cho bà Trương Thị N tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371; việc ông Nguyễn Huy V2 yêu cầu hủy GCNQSD đất số BA 741275, số vào số CH 0004 này là không có cơ sở.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh:

Căn cứ vào: Khoản 5, Khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 điểm c Khoản 2 điều 227, Khoản 2 điều 244, Khoản 3 Điều 228, của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 459, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 66 HYPERLINK "https://thuvienphapluat.vn/van-ban/quyen-dan-su/luat-hon-nhan-va-gia-dinh-2014-238640.aspx" \t "_blank" Luật hôn nhân và gia đìnhĐiều 50 Luật Đất đai. Điểm đ khoản 1 điều 12; Điều 26; Khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N về yêu cầu chia thừa kế và tài sản chung tài sản theo qui định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất giữa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Khánh V, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Huy L, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị L1 mỗi người tặng cho mẹ là bà Trương Thị N với diện tích đất là 86,621m^2 (Trong đó đất ở có diện tích 25m; đất vườn có diện tích 61,621m).

- Bà Trương Thị N được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số BA 741275 ngày 11-02-2010; số vào sổ cấp GCN: CH 00004; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên Trương Thị N. với diện tích thực tế đo đạc là 1.212,7m^2 (Trong đó đất ở: 350m^2 và đất vườn 862,7m^2).

- Bà Trương Thị N có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Huy V2 với số tiền: 110.030.344đ (Một trăm mười triệu, không trăm ba mươi nghìn, ba trăm bốn mươi bốn đồng).

- Bà Trương Thị N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền, thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đối với phần diện tích 350m2 đất ở và đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số BA 741275 ngày 11-02-2010; số vào sổ cấp GCN: CH 00004 ở Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên bà Trương Thị N.

Chấp nhận yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với thửa đất số DO383843 được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh(Nay là UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) cấp ngày 06-12-1994; số vào sổ 504/QSDĐ mang tên Nguyễn Văn V4, diện tích 2610m^2, trong đó: Đất ở là 200m^2, đất trồng cây lâu năm là 900m^2; đất

sản xuất nông nghiệp: 1510m^2; địa chỉ thửa đất: xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Huy V2.

Về án phí: Bà Trương Thị N, ông Nguyễn Huy V2 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/3/2023, bị đơn ông Nguyễn Ngọc V3 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo người kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

+ Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 741275 do UBND huyện K (nay là thị xã K) cấp mang tên bà Trương Thị N đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77, bản đồ 371. Địa chỉ thửa đất tại: tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất có diện tích 1269m^2 đồng thời tạm giao lại cho ông V3, bà T.

+ Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Khánh V, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Huy Lê .

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Ngọc V3 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS năm 2015 không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Huy V2, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện về việc Tranh chấp chia di sản thừa kế và chia tài sản chung Quyền sử dụng đất quy định tại khoản 5, khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; thửa đất đang tranh chấp có địa chỉ tại phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng của các đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định tại điều 68 Bộluật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, người được hưởng thừa kế và di sản thừa kế:

[2.1] Ông Nguyễn Văn V4 chết vào ngày 05/05/2002 do đó vẫn còn thời hiệu khởi kiện đối với di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn V4 để lại theo quy định tại khoản 1 điều 623 BLDS năm 2015.

[2.2] Về người được hưởng thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừ kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn V4 gồm vợ ông V4 là bà Trương Thị N và 06 người con chung của ông V4, bà N là bà Nguyễn Thị Khánh V, ông Nguyễn Huy V2, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Huy L là đúng theo quy định tại Điều 651 BLDS 2015.

[2.3] Về di sản thừa kế: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của các đương sự xác định quá trình chung sống ông Nguyễn Văn V4 và bà Trương Thị N đã tạo lập được khối tài sản chung như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa số 32, tờ bản đồ 77/371, diện tích 1269m2 trong đó : 350 m2 đất ở tại nông thôn và 919 m2 đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện K (Nay là UBND thị xã K) cấp GCNQSDĐ số BA- 741275 ngày 11/02/2010, số vào sổ cấp GCN: CH 00004, địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện K, Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, Hà Tĩnh) mang tên Trương Thị N.

+ Quyền sử dụng đất số DO 383843 được UBND huyện K (Nay là UBND thị xã K) cấp ngày 06/12/1994, số vào sổ cấp 504/QSDĐ mang tên Nguyễn Văn V4, diện tích 2610 m2 trong đó đất ở 200 m2, đất trồng cây lâu năm 900m2, đất sản xuất nông nghiệp 1510 m2 (Hiện nay đất trồng lúa và trồng màu đã bị nhà nước thu hồi thực tế chỉ còn lại 200 m2 đất ở và 900 m2 đất vườn, địa chỉ thửa đất tại xã K huyện K Hà Tĩnh (N là tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, Hà Tĩnh).

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị N đã rút yêu cầu về việc chia di sản thừa kế đối với thửa đất số DO cấp ngày 06/12/1994, mang tên Nguyễn Văn V4. Bà yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ 77/371, được UBND huyện K (Nay là UBND thị xã K) cấp GCNQSDĐ số BA- 741275 ngày 11/02/2010, số vào sổ cấp GCN: CH 00004, địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện K, Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, Hà Tĩnh) mang tên Trương Thị N cho bà và 06 người con.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Xét thấy: Theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện, nguồn gốc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77, bản đồ 371 tại: tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh mang tên bà Trương Thị N với diện tích 1269m^2 được UBND huyện K (nay là thị xã K) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 741275 cấp ngày 11-02-2010; số vào sổ cấp GCN: CH 00004. Đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Trương Thị N và ông Nguyễn Văn V4 tạo dựng nên. Thửa đất này trước đây được UBND xã quy hoạch để cấp đất, nhưng hiện tại hồ sơ, tài liệu, sơ đồ quy hoạch thời quy hoạch cấp đất, qua các thời kỳ không có

bàn giao, hiện không có hồ sơ lưu trữ. Tuy nhiên qua ý kiến và nội dung xác nhận của ông Nguyễn Ngọc Đ1 (nguyên cán bộ ruộng đất xã K thời kỳ quy hoạch) xác nhận thửa đất nói trên là lô số 12 như ý kiến trình bày của nguyên đơn (bị đơn cho rằng thửa đất nói trên thuộc lô số 11). Kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSD đất của bà Trương Thị N thì thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371 được UBND xã K (nay là phường K) xác nhận có nguồn gốc do UBND xã K cấp cho gia đình bà Trương Thị N làm nhà ở từ năm 1990, quá trình sử dụng đất không có tranh chấp, lấn chiếm và được Hội đồng tư vấn đất đai xã K họp xét đồng ý, đã được UBND xã K xây dựng hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất theo quy định hiện hành; được UBND huyện K (cũ) trao quyền sử dụng đất cho gia đình bà Trương Thị N thông qua GCNQSD đất số BA 741275, số vào sổ CH 0004 nêu trên. Việc cấp GCNQSD đất cho bà Trương Thị N là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Ủy ban nhân dân phường K, UBND thị xã K có ý kiến bằng văn bản cũng đã khẳng định điều đó và đề nghị Tòa án giữ nguyên giá trị pháp lý đối với GCNQSDĐ số BA 741275 ngày 11/02/2010 đối với thửa đất số 32 tờ bản đồ số 77/371 mang tên bà Trương Thị N địa chỉ tại tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, Hà Tĩnh.

Đối với thửa đất này, năm 2011 Tòa án nhân dân huyện Kỳ anh, Hà Tĩnh đã giải quyết vấn đề tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị N và ông Nguyễn Huy V2 bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tại bản án số 05/2011/DSST ngày 30/9/2011 của TAND Huyện Kỳ Anh đã quyết định ông Nguyễn Huy V2 phải trả lại cho bà Trương Thị N 1269m^2 đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký ngày 11/02/2010 số BA 741275 tại thửa số 32 tờ bản đồ số 77/371. Ông Nguyễn Huy V2 không đồng ý với bản án này của TAND huyện Kỳ Anh nên đã làm đơn kháng cáo, ngày 21/12/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ra Quyết định Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 23/2011/QĐ-PT và quyết định: Bản án số 05/2011/DSST ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân Huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký quyết định.

Ông Nguyễn Huy V2 ngoài các giấy tờ gồm đơn viết tay xin đất làm nhà, giấy ủy quyền bốc thăm đất… thì ông Nguyễn Huy V2 không có giấy tờ văn bản pháp lý gì khác để chứng minh thửa đất nói trên là được cấp vợ chồng ông. Mặt khác ông V2 năm 1990 đã được UBND xã K cấp cho 01 thửa đất để làm nhà tại xứ Lòi Trên mang tên Nguyễn Huy V2 tại quyết định cấp đất không số ngày 07/6/1990, đến ngày 06/12/1994 thửa đất được UBND huyện K cấp GCNQSD số D 0383341, số vào sổ 312/QSDĐ, diện tích 900m2, sau khi đước cấp vợ chồng ông V2 làm nhà và ở ổn định từ đó đến nay. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 32 tờ bản đồ số 77/371, diện tích 1269 m2, có GCNQSDĐ số BA 741272 ngày 11/02/2010 tại tổ dân phố Q, phường K, thị xã K mang tên bà Trương Thị N là tài sản chung của vợ chồng bà Trương Thị N và ông Nguyễn Văn V4 đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và và sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà N của những người liên quan nói trên và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông V2, bà T là phù hợp, có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì mới để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó việc bị đơn ông Nguyễn Huy V2,

người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu TAND tỉnh Hà Tĩnh hủy giấy CNQSDĐ số BA 741275 do UBND huyện K (nay là thị xã K) cấp ngày 11/02/2010 mang tên bà Trương Thị N đối với thửa đất số 32 tờ bản đồ 77/371 tại C thuộc tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, Hà Tĩnh, tạm giao thửa đất đó cho vợ chồng ông quản lý và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N là không có cơ sở để chấp nhận.

Về việc phân chia di sản thừa theo pháp luật: Xét thấy thửa đất số 32 tờ bản đồ sô 77/371 là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn V4 và bà Trương Thị N có diện tích thực tế 1.212,7m2 nên ½ diện tích đất (tương ứng 606,35m2 trong đó 175m2 đất ở và 431,35m2) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà N và 606,35m2, ½ diện tích thửa đất còn lại (trong đó 175m2 đất ở và 431,35m2 đất vườn) là di sản thừa kế của ông V4 để lại chưa được phân chia. Diện tích đất còn lại này được chia đều thành 07 kỷ phần cho 07 người gồm bà Trương Thị N, bà Nguyễn Thị Khánh V, ông Nguyễn Huy V2, bà Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Huy L nên kỷ phần thừa kế mỗi người được hưởng là: 606,35 m2: 7= 86,621 m2 (trong đó đất ở 25m2, đất vườn 61,621 m2), trị giá mỗi kỷ phần thừa kế là 110.030.344 đồng (25m2 đất ở x 1.910.000 đồng/m2 =47.750.000 đồng và 61,621m2 đất vườn x 1.010.700 đồng/m2 = 62.280.345 đồng). Theo quy định tại Điều 8 Quyết định của số 37/2020/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh H quy định về diện tích tối thiểu của thửa đất sau khi tách đối với đất đô thị thì thửa đất số 32, tờ bản đồ 77/371 tại tổ dân phố Q, thị xã K nằm trong khu vực đô thị sau khi chia mỗi kỷ phần thừa kế là 86,621m2 (trong đó đất ở 25m2, đất vườn 61,621m2, kích thước cạnh chiều rộng tối thiểu đều dưới 04 m, diện tích đất ở đều dưới mức tối thiểu được quy định) nên không đủ hạn mức đất tối thiểu để hình thửa đất sau khi tách thửa để cấp GCNQSDĐ theo quy định cho người được hưởng thừa kế. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị Khánh V, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thi L2 và ông Nguyễn Huy L vẫn giữ nguyên ý kiến và đề nghị tặng cho bà Trương Thị N sở hữu toàn bộ kỷ phần di sản thừa kế của mình được hưởng từ di sản thừa kế ông Nguyên Văn V5 để lại. Như vậy phần diện tích đất thừa kế bà N được hưởng được xác định là 86,621 m2 x 06 = 519,726 m2 (trong đó đất ở 150 m2, đất vườn 369,726m2) tương ứng số tiền 660.182.000 đồng.

Xét điều kiện ông Nguyễn Huy V2 đang có chỗ ở ổn định, kỷ phần thừa kế ông V2 được hưởng không đủ hạn mức tối thiểu theo quy định để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cho bà Trương Thị N sở hữu, sử dụng phần diện tích đất thừa kế ông V2 được hưởng và có trách nhiệm hoàn trả lại cho cho ông V2 số tiền 110.030.344 đồng tương ứng với giá trị phần diện tích đất ông V2 được hưởng thừa kế là phù hợp, có căn cứ.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Trương Thị N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá, trích lục với số tiền 2.200.000 đồng, bà N đã nộp đủ chi phí trên nên miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị N, ông Nguyễn Huy V2 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Án phí phúc thẩm: Bị đơn Nguyễn Huy V2, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Huy V2 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DSST ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165, điểm c khoản 2 điều 227, khoản 2 Điều 244, khoản 3 Điều 228, của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 459, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 50 Luật Đất đai. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N về yêu cầu chia thừa kế và tài sản chung tài sản theo qui định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất giữa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Khánh V, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Huy L, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị L1 mỗi người tặng cho mẹ là bà Trương Thị N với diện tích đất là 86,621m2 (Trong đó đất ở có diện tích 25m; đất vườn có diện tích 61,621m).

[2.2] Bà Trương Thị N được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 741275 ngày 11-02-2010; số vào sổ cấp GCN: CH 00004; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên Trương Thị N với diện tích thực tế đo đạc là 1.212,7m2 , trong đó đất ở 350m2 và đất vườn 862,7m2 (Kèm theo trích đo địa chính).

[2.3] Bà Trương Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Huy V2 giá trị kỷ phần thừa kế mà ông Nguyễn Huy V2 được hưởng với số tiền 110.030.344 đồng (Một trăm mười triệu, không trăm ba mươi nghìn, ba trăm bốn mươi bốn đồng) và có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền, thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đối với phần diện tích 350m2 đất ở và đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 77/371 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 741275 ngày 11-02-2010; số vào sổ cấp GCN: CH 00004 ở Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên bà Trương Thị N.

[2.4] Chấp nhận yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với thửa đất sô DO 383843 được UBND huyện K, tĩnh Hà Tĩnh (Nay là UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) cấp ngày 06/12/1994, số vào sổ cấp 504/QSDĐ mang tên

Nguyễn Văn V4, diện tích 2610 m2 trong đó đất ở 200 m2, đất trồng cây lâu năm 900m2, đất sản xuất nông nghiệp 1510 m2, địa chỉ thửa đất tại xã K huyện K Hà Tĩnh (N là tổ dân phố Q, phường K, thị xã K, Hà Tĩnh).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Huy V2.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị N, ông Nguyễn Huy V2 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Huy V2 và bà Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Huy V2 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Nguyễn Huy V2, bà Nguyễn Thi T4 đã nộp theo các biên lai thu tiền số 014549 và 014550 ngày 14/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THA thị xã Kỳ Anh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Toà DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Khắc Hoàng